

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/DS-ST
Ngày: 24-5-2021
V/v tranh chấp dân sự - Hợp
đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đô;**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hồ Thị Mai Hương;**
2. Ông **Phạm Phước Tâm;**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2021/TLST-DS, ngày 02 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2021/QĐST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần T;**

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Minh T; chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thẻ;

Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268, NKKN, phường X, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Anh Lê Nguyễn Hoàng Bảo Q; chức vụ: nhân viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Số 56, đường NH, phường 2, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh **Phan Quốc Q1**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Q có mặt, anh Q1 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Lê Nguyễn Hoàng Bảo Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/8/2014, anh Phan Quốc Q1 có ký kết với của Ngân hàng TMCP T (viết tắt Ngân hàng) – Trung tâm phát hành thẻ tín dụng. Căn cứ theo thu nhập của anh Q1, Ngân hàng đã cấp 02 thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 19.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ, anh Q1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 48.359.995 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 36.420.000 đồng. Hết hạn sử dụng thẻ thì anh Q1 nợ lại số tiền gốc là 20.964.942 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhưng anh Q1 vẫn không trả nợ, đến ngày 06/6/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/7/2020 anh Q1 còn nợ với tổng số tiền là 55.018.349 đồng. Sau khi khởi kiện thì anh Q1 đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 tiền vốn; số tiền vốn và lãi còn lại thì không thanh toán.

Nay Ngân hàng TMCP T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Phan Quốc Q1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 24/5/2021 là 58.779.373 đồng trong đó: nợ gốc là 17.964.942 đồng, lãi là 40.814.431 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 24/5/2021 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Anh Phan Quốc Q1 là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Bên cạnh đó, anh Q1 cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Các tài liệu, chứng do Ngân hàng TMCP T cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau:

1. Tóm tắt sao kê hoạt động của khách hàng vay ngày 25/7/2020 (bản chính);
2. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng 25/8/2014 (bản sao y);
3. Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng Quốc tế Sacombank (bản photo);
4. Giấy CMND tên Phan Quốc Q1 + Sổ hộ khẩu chủ hộ tên Ngô Thị L (bản photo);
5. 02 giấy công văn đề ngày 10/3/2016 và ngày 10/4/2016 (bản chính);
6. Giấy vận đơn của bưu cục KHL SG ngày 11/3/2020 (bản photo);
7. Giấy căn cước công dân của bà Hồ Thị Minh T (bản sao y);
8. Giấy ủy quyền số 1159/2020/GUQ-PL ngày 05/5/2020 (bản chính);
9. Quyết định số 6851/2019/QĐ-NS ngày 14/11/2019 (bản chính);
10. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Ngân hàng TMCP T (bản photo chứng thực);

11. Giấy ủy quyền số 365/2020/UQ-TTT (bản chính);

Các tài liệu chứng cứ đã được công khai trong phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã thông báo cho bị đơn được biết nhưng không ai có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Quan hệ pháp luật: Ngân hàng yêu cầu anh Q1 có nghĩa vụ trả tiền vay và lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng”.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Phan Quốc Q1 có địa chỉ tại ấp 2, xã L, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[3] Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Q1 vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q1.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với hợp đồng tín dụng, yêu cầu anh Q1 trả số nợ vốn và lãi tính đến ngày 24/5/2021 là 58.779.373 đồng trong đó: nợ gốc là 17.964.942 đồng, lãi là 40.814.431 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 24/5/2021 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng có đủ chứng cứ chứng minh ngày 25/8/2014, Ngân hàng với anh Q1 có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Nội dung hợp đồng thể hiện rõ thỏa thuận của hai bên về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, mục đích sử dụng tiền vay và sau khi phát hành thẻ anh Q1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 48.359.995 đồng. Do đó, hợp đồng mà 02 bên thỏa thuận ký kết là có thật. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng anh Q1 đã thanh toán được số tiền 36.420.000 đồng và từ tháng 3/2016 đến khi Ngân hàng khởi kiện thì phía anh Q1 không thanh toán đầy đủ vốn và lãi nên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, phía anh Q1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không phản đối những tình tiết, yêu cầu mà phía Ngân hàng cung cấp. Anh Q1 không tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ, hòa giải và phiên tòa để trình bày ý kiến nên những chứng cứ, yêu cầu của Ngân hàng thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Ngân hàng yêu cầu phía anh Q1 trả số nợ vốn và lãi

tính đến ngày xét xử với số tiền 58.779.373 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 24/5/2021 đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận là phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng - gọi chung là hợp đồng) ngày 25/8/2014 có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP T.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí và trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Anh Q1 phải chịu án phí sơ thẩm là 2.939.000 đồng;

Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.375.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số BI/2019/0012301 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T.

Buộc anh Phan Quốc Q1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền 58.779.373 (năm mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn, ba trăm bảy mươi ba) đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 24/5/2021 đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Phan Quốc Q1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.939.000 (hai triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn) đồng;
- Ngân hàng thương mại cổ phần T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.375.000 (Một triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm

ứng án phí số BI/2019/0012301 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

3. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đô

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đô

Công nhận hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số HO00086/HĐTD-
CC ngày 12/4/2019.